

**THỐNG KÊ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT VIỆC KHỞI TỐ,
 ĐIỀU TRA, TRUY TỐ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ**

Từ ngày... ..tháng... ..năm.....đến ngày.....tháng.....năm
 (Áp dụng cho kỳ thống kê tháng, 6 tháng và 12 tháng)

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
I. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự		
1. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can		
Số vụ, việc VKS yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu, chứng cứ để kiểm sát việc khởi tố	1	
Số vụ án VKS huỷ bỏ quyết định khởi tố	2	
Số người VKS huỷ bỏ quyết định khởi tố bị can	3	
Số người VKS có văn bản yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiếp tục cung cấp tài liệu, chứng cứ để xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can	4	
Số vụ án VKS yêu cầu CQĐT huỷ bỏ quyết định khởi tố	5	
<i>Trong đó:</i> Số vụ án yêu cầu huỷ bỏ thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	6	
Số người VKS yêu cầu CQĐT huỷ bỏ QĐ khởi tố bị can	7	
Số vụ án CQĐT đã huỷ bỏ quyết định khởi tố theo yêu cầu của VKS	8	
Số vụ án VKS huỷ bỏ quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố	9	
Số bị can VKS huỷ bỏ quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố	10	
Số bị can VKS phê chuẩn quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố	11	
Số vụ án VKS yêu cầu CQĐT thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố	12	
Số bị can VKS yêu cầu CQĐT thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố	13	
Số vụ án CQĐT đã thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố theo yêu cầu của VKS	14	
Số bị can CQĐT đã thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố theo yêu cầu của VKS	15	
Số vụ, việc CQĐT ra quyết định không khởi tố	16	
Số vụ, việc VKS yêu cầu huỷ bỏ quyết định không khởi tố	17	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ, việc CQĐT chấp nhận và ban hành quyết định khởi tố vụ án theo yêu cầu của VKS	18	
- Số vụ, việc yêu cầu huỷ bỏ thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	19	
Số vụ, việc VKS huỷ bỏ quyết định không khởi tố	20	
<i>Trong đó:</i> - VKS cấp trên huỷ bỏ	21	
- Số vụ, việc VKS huỷ bỏ thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	22	
Số vụ án VKS khởi tố, yêu cầu CQĐT điều tra	23	
<i>Trong đó:</i> Số thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	24	
Số bị can VKS khởi tố, yêu cầu CQĐT điều tra	25	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
Số vụ án VKS thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố	26	
Số bị can VKS thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố	27	
Số vụ án VKS yêu cầu CQĐT khởi tố	28	
<i>Trong đó:</i> Số thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	29	
Số người VKS yêu cầu CQĐT khởi tố	30	
Số vụ án CQĐT đã khởi tố theo yêu cầu của VKS	31	
<i>Trong đó:</i> Số thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	32	
Số bị can CQĐT đã khởi tố theo yêu cầu của VKS	33	
Số bản yêu cầu điều tra của VKS	34	
<i>Trong đó:</i> Số vụ án CQĐT không thực hiện yêu cầu điều tra hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu điều tra, sau đó phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung	35	
Số lần VKS tham gia lấy lời khai người bị bắt, tạm giữ, người làm chứng, người bị hại...	36	
Số lần VKS đã tham gia 7 hoạt động điều tra bắt buộc của Kiểm sát viên	37	
<i>Trong đó:</i> - Khám nghiệm hiện trường	38	
- Khám nghiệm tử thi	39	
- Đối chất	40	
- Nhận dạng	41	
- Nhận biết giọng nói	42	
- Khám xét	43	
- Thực nghiệm điều tra	44	
Số lần VKS không tham gia 7 hoạt động điều tra bắt buộc của Kiểm sát viên	45	
<i>Trong đó:</i> - Khám nghiệm hiện trường	46	
- Khám nghiệm tử thi	47	
- Đối chất	48	
- Nhận dạng	49	
- Nhận biết giọng nói	50	
- Khám xét	51	
- Thực nghiệm điều tra	52	
Số lần VKS tham gia hỏi cung bị can	53	
Số lần VKS trực tiếp lấy lời khai người bị bắt, tạm giữ, người làm chứng, người bị hại...	54	
Số lần VKS trực tiếp hỏi cung bị can	55	
2. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế		
2.1. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn		
Số người bị bắt trong kỳ thống kê	56	
<i>Trong đó:</i> - Bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp	57	
- Bắt người phạm tội quả tang	58	
- Bắt người đang bị truy nã	59	
- Bắt bị can để tạm giam	60	
- Bắt người bị yêu cầu dẫn độ	61	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
- Do người phạm tội đầu thú	62	
- Do người phạm tội tự thú	63	
Số người bị tạm giữ có người bào chữa	64	
Số bị can VKS phê chuẩn lệnh tạm giam	65	
Số bị can bị tạm giam có người bào chữa	66	
<i>Trong đó:</i> - Luật sư	67	
- Bào chữa viên nhân dân	68	
- Trợ giúp viên pháp lý	69	
Số người bị bắt giữ được trả tự do chuyển xử lý hành chính	70	
Số người bị bắt giữ được trả tự do không xử lý hành chính	71	
Số người VKS phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp	72	
Số người VKS không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp	73	
Số người VKS quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp sau đó trả tự do do không có căn cứ pháp luật trong kỳ thống kê	74	
<i>Trong đó:</i> Số người không xử lý hành chính	75	
Số người VKS huỷ bỏ quyết định tạm giữ	76	
Số người VKS không phê chuẩn gia hạn tạm giữ (lần thứ nhất, thứ hai)	77	
Số người VKS phê chuẩn gia hạn tạm giữ, sau đó trả tự do vì không phạm tội	78	
<i>Trong đó:</i> Số người không xử lý hành chính (không vi phạm pháp luật)	79	
Số bị can VKS yêu cầu CQĐT bắt tạm giam	80	
Số bị can CQĐT đã bắt tạm giam theo yêu cầu của VKS	81	
Số bị can VKS gia hạn tạm giam để điều tra	82	
Số bị can VKS gia hạn tạm giam để truy tố	83	
Số bị can bị tạm giam, sau đó trả tự do chuyển xử lý hành chính, xử lý kỷ luật	84	
Số bị can tại ngoại nhưng bỏ trốn và phải ra lệnh truy nã	85	
Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam	86	
Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh tạm giam	87	
Số bị can VKS không gia hạn tạm giam	88	
Số bị can VKS quyết định huỷ bỏ biện pháp tạm giam trong kỳ thống kê	89	
<i>Trong đó:</i> - Số bị can phạm tội mới	90	
- Số bị can bỏ trốn	91	
Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh tạm giam hoặc thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang biện pháp khác đã phạm tội mới hoặc bỏ trốn	92	
<i>Trong đó:</i> - Số bị can phạm tội mới	93	
- Số bị can bỏ trốn	94	
Số bị can VKS yêu cầu CQĐT truy nã	95	
Số bị can CQĐT đã truy nã theo yêu cầu của VKS	96	
Số bị can được áp dụng biện pháp bảo lãnh để thay thế biện pháp tạm giam	97	
Số bị can VKS không phê chuẩn biện pháp bảo lãnh	98	
Số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp bảo lãnh	99	
Số bị can được áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm để thay thế biện pháp tạm giam	100	
Số bị can VKS không phê chuẩn biện pháp đặt tiền để bảo đảm	101	
Số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp đặt tiền để bảo đảm	102	
Số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú	103	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
Số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp tạm hoãn xuất cảnh	104	
2.2. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp cưỡng chế		
Số người, bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp cưỡng chế	105	
<i>Trong đó:</i> - Số người bị áp dụng biện pháp áp giải	106	
- Số người bị áp dụng biện pháp dẫn giải	107	
- Số bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp kê biên tài sản	108	
<i>Tr.đó:</i> Số bị can, bị cáo là pháp nhân thương mại	109	
- Số bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp phong toả tài khoản	110	
<i>Tr.đó:</i> Số bị can, bị cáo là pháp nhân thương mại	111	
Số người, bị can, bị cáo được cơ quan có thẩm quyền huỷ bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản	112	
<i>Trong đó:</i> Số bị can, bị cáo là pháp nhân thương mại	113	
Số người, bị can, bị cáo bị CQĐT, Tòa án áp dụng biện pháp cưỡng chế nhưng không thông báo cho VKS trước khi thi hành	114	
3. Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động điều tra		
Số vụ án còn lại của kỳ trước	115	
Số vụ án mới nhận để điều tra lại	116	
Số vụ án mới nhận lại để điều tra bổ sung	117	
Số vụ án được tách từ vụ án khác	118	
Số vụ án nhập vào vụ án khác	119	
Số vụ án tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ	120	
<i>Trong đó:</i> - Số đã có kết quả trưng cầu giám định	121	
- Số đã có kết quả tương trợ tư pháp hình sự của nước ngoài	122	
Số bị can còn lại của kỳ trước	123	
Số bị can mới nhận để điều tra lại	124	
Số bị can mới nhận để điều tra bổ sung	125	
Số bị can được tách từ vụ án khác	126	
Số bị can nhập vào vụ án khác	127	
Số bị can tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ	128	
<i>Trong đó:</i> - Số đã có kết quả trưng cầu giám định	129	
- Số đã có kết quả tương trợ tư pháp hình sự của nước ngoài	130	
Số vụ án mới khởi tố	131	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	132	
- Số vụ án có bị can là pháp nhân thương mại	133	
- Số vụ án áp dụng thủ tục rút gọn	134	
- Số vụ án xác định trọng điểm	135	
Số bị can mới khởi tố	136	
<i>Trong đó:</i> - Số bị can phạm tội tham nhũng	137	
- Số bị can là pháp nhân thương mại	138	
- Số bị can áp dụng thủ tục rút gọn	139	
- Số bị can của vụ án xác định trọng điểm	140	
- Số bị can có người bào chữa	141	
<i>Tr.đó:</i> + Luật sư	142	
+ Bào chữa viên nhân dân	143	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
+ Trợ giúp viên pháp lý	144	
Số vụ án nơi khác chuyển đến	145	
Số bị can nơi khác chuyển đến	146	
Số vụ án chuyển đi nơi khác	147	
Số bị can chuyển đi nơi khác	148	
Tổng số vụ án CQĐT thụ lý điều tra	149	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	150	
- Số vụ án xác định trọng điểm	151	
Tổng số bị can CQĐT thụ lý điều tra	152	
<i>Trong đó:</i> - Số bị can phạm tội tham nhũng	153	
- Số bị can của vụ án xác định trọng điểm	154	
Số vụ án đề nghị truy tố	155	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	156	
- Số vụ án có bị can là pháp nhân thương mại	157	
- Số vụ án xác định trọng điểm	158	
- Số vụ án đã đề nghị truy tố ở kỳ thống kê trước (do trả hồ sơ điều tra bổ sung)	159	
- Số vụ án quá thời hạn điều tra	160	
Số bị can đề nghị truy tố	161	
<i>Trong đó:</i> - Số bị can phạm tội tham nhũng	162	
- Số bị can là pháp nhân thương mại	163	
- Số bị can của vụ án xác định trọng điểm	164	
- Số đã đề nghị truy tố ở kỳ thống kê trước (do trả hồ sơ điều tra bổ sung)	165	
- Số bị can khi phạm tội là đảng viên	166	
<i>Tr. đó:</i> Số bị can là đảng viên giữ chức vụ quản lý	167	
- Số bị can quá thời hạn điều tra	168	
Số vụ án CQĐT đình chỉ điều tra	169	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	170	
- Số vụ án có bị can là pháp nhân thương mại	171	
- Số vụ án VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung nhưng sau đó đình chỉ điều tra	172	
- Số vụ án đình chỉ vì hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được tội phạm	173	
<i>Tr. đó:</i> Số vụ án phạm tội tham nhũng	174	
- Số vụ án đình chỉ điều tra do trước đó đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra, nay xác định bị can đã chết hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS	175	
Số bị can CQĐT đình chỉ điều tra	176	
<i>Trong đó:</i> - Số bị can phạm tội tham nhũng	177	
- Số bị can là pháp nhân thương mại	178	
- Số bị can VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung nhưng sau đó đình chỉ điều tra	179	
- Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (theo Đ16 BLHS)	180	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
- Do bị hại hoặc người đại diện của bị hại rút đơn yêu cầu (K2 Đ155 BLTTHS)	181	
-Số bị can đình chỉ điều tra do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm (theo K1,2 Đ157 BLTTHS)	182	
<i>Tr. đó:</i> Số bị can phạm tội tham nhũng	183	
- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu TNHS (theo K3 Đ157 BLTTHS)	184	
- Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật (theo K4 Đ157 BLTTHS)	185	
- Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (theo K5 Đ157 BLTTHS)	186	
- Tội phạm đã được đại xá (theo K6 Đ157 BLTTHS)	187	
- Số bị can đình chỉ điều tra do bị can chết (theo K7 Đ157 BLTTHS)	188	
- Bị can bị mắc bệnh tâm thần	189	
- Số bị can đình chỉ điều tra theo K 2 Đ91 BLHS	190	
- Số bị can đình chỉ vì hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm (theo điểm b K1 Đ230 BLTTHS)	191	
<i>Tr. đó:</i> + Số bị can phạm tội tham nhũng	192	
- Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo K1 Đ29 BLHS	193	
<i>Tr. đó:</i> Số bị can phạm tội tham nhũng	194	
- Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo K2 Đ29 BLHS	195	
<i>Tr. đó:</i> Số bị can phạm tội tham nhũng	196	
- Số bị can đình chỉ điều tra do được miễn TNHS theo K3 Đ29 BLHS	197	
- Số bị can đình chỉ điều tra do trước đó đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra, nay xác định bị can chết hoặc hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự	198	
Số vụ án CQĐT tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê	199	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	200	
- Số vụ án có bị can là pháp nhân thương mại	201	
- Khi chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn điều tra vụ án	202	
- Khi trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn điều tra (theo điểm c K1 Đ229 BLTTHS)	203	
Số bị can CQĐT tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê	204	
<i>Trong đó:</i> - Số bị can phạm tội tham nhũng	205	
- Số bị can là pháp nhân thương mại	206	
- Khi không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn điều tra (điểm a K1 Đ229 BLTTHS)	207	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
- Khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo theo điểm b K1 Đ229 BLTTHS (có thể tạm đình chỉ trước khi hết thời hạn điều tra)	208	
- Khi trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn điều tra (điểm c K1 Đ229 BLTTHS)	209	
Tổng số vụ án CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra tính đến cuối kỳ thống kê	210	
Tổng số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra tính đến cuối kỳ thống kê	211	
Số vụ án còn lại chưa kết thúc điều tra	212	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	213	
- Số vụ án chưa kết thúc điều tra đã quá thời hạn luật định	214	
Số bị can còn lại chưa kết thúc điều tra	215	
<i>Trong đó:</i> Số bị can phạm tội tham nhũng	216	
Số bị can CQĐT huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can	217	
Số bị can CQĐT huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can	218	
Số vụ án VKS huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra vụ án của CQĐT	219	
Số bị can VKS huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can của CQĐT	220	
<i>Trong đó:</i> - Số bị can đình chỉ do miễn trách nhiệm hình sự theo Điều 29 BLHS	221	
- Số bị can đình chỉ do miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Đ91 BLHS	222	
Số vụ án VKS huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án của CQĐT	223	
Số bị can VKS huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can của CQĐT	224	
Số vụ án VKS huỷ bỏ quyết định tách, nhập vụ án hình sự của CQĐT	225	
Số vụ án VKS huỷ bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn	226	
Số lần VKS phê chuẩn lệnh khám xét	227	
Số lần VKS không phê chuẩn lệnh khám xét	228	
Số lần VKS phê chuẩn lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông	229	
Số lần VKS không phê chuẩn lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông	230	
Số lần VKS huỷ bỏ quyết định xử lý vật chứng của CQĐT	231	
Số vụ án CQĐT quyết định trung cầu giám định	232	
Số vụ án CQĐT ra quyết định trung cầu giám định theo yêu cầu của VKS	233	
Số lần VKS yêu cầu CQĐT trung cầu giám định pháp y	234	
Số lần CQĐT ra quyết định trung cầu giám định pháp y theo yêu cầu của VKS	235	
Số vụ án áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	236	
<i>Trong đó:</i> - Ghi âm, ghi hình bí mật	237	
- Nghe điện thoại bí mật	238	
- Thu thập bí mật dữ liệu điện tử	239	
Số vụ án VKS không phê chuẩn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	240	
<i>Trong đó:</i> - Ghi âm, ghi hình bí mật	241	
- Nghe điện thoại bí mật	242	
- Thu thập bí mật dữ liệu điện tử	243	
Số vụ án VKS huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt	244	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
Số vụ án VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra	245	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án VKS trực tiếp tiến hành đối chất	246	
- Số vụ án VKS trực tiếp tiến hành thực nghiệm điều tra	247	
II. Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố		
Số vụ án còn lại của kỳ trước	248	
Số vụ án tạm đình chỉ được phục hồi để truy tố trong kỳ	249	
Số bị can còn lại của kỳ trước	250	
Số bị can tạm đình chỉ được phục hồi để truy tố trong kỳ	251	
Số vụ án mới thụ lý	252	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	253	
- Số vụ án có người bào chữa	254	
<i>Tr.đó:</i> + Luật sư	255	
+ Bào chữa viên nhân dân	256	
+ Trợ giúp viên pháp lý	257	
Số bị can mới thụ lý	258	
<i>Trong đó:</i> - Số bị can phạm tội tham nhũng	259	
- Số bị can có người bào chữa	260	
<i>Tr.đó:</i> + Luật sư	261	
+ Bào chữa viên nhân dân	262	
+ Trợ giúp viên pháp lý	263	
Số vụ án nơi khác chuyển đến	264	
<i>Trong đó:</i> Số nhận từ nơi khác chuyển đến để truy tố theo thẩm quyền	265	
Số bị can nơi khác chuyển đến	266	
<i>Trong đó:</i> Số nhận từ nơi khác chuyển đến để truy tố theo thẩm quyền	267	
Số vụ án chuyển đi nơi khác	268	
Số bị can chuyển đi nơi khác	269	
Tổng số vụ án VKS thụ lý giải quyết	270	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	271	
- Số vụ án có bị can là pháp nhân thương mại	272	
Tổng số bị can VKS thụ lý giải quyết	273	
<i>Trong đó:</i> - Số bị can phạm tội tham nhũng	274	
- Số bị can là pháp nhân thương mại	275	
Số vụ án VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra để quyết định việc truy tố	276	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án VKS trực tiếp tiến hành hỏi cung bị can	277	
- Số vụ án VKS trực tiếp tiến hành lấy lời khai người làm chứng	278	
- Số vụ án VKS trực tiếp tiến hành lấy lời khai người bị hại	279	
- Số vụ án VKS trực tiếp tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án	280	
Số vụ án truy tố	281	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	282	
- Số vụ án có bị can là pháp nhân thương mại	283	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
- Số vụ án áp dụng theo thủ tục rút gọn	284	
- Số vụ án xác định trọng điểm	285	
- Số vụ án đã truy tố ở kỳ thống kê trước (do trả hồ sơ điều tra bổ sung)	286	
- Số vụ án VKS cấp trên phân công VKS cấp dưới THQCT, KSXX sơ thẩm	287	
- Số vụ án quá thời hạn đã quyết định truy tố	288	
Số bị can truy tố	289	
<i>Trong đó:</i> - Số bị can phạm tội tham nhũng	290	
- Số bị can là pháp nhân thương mại	291	
- Số bị can áp dụng theo thủ tục rút gọn	292	
- Số bị can của vụ án xác định trọng điểm	293	
- Số bị can đã truy tố ở kỳ thống kê trước (do trả điều tra bổ sung)	294	
- Số bị can VKS cấp trên phân công VKS cấp dưới THQCT, KSXX sơ thẩm	295	
- Số bị can quá thời hạn đã quyết định truy tố	296	
Số vụ án VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ	297	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	298	
- Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhưng sau đó đình chỉ	299	
- Số vụ án đình chỉ do trước đó đã ra quyết định tạm đình chỉ, nay xác định bị can đã chết hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS	300	
Số bị can VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can	301	
<i>Trong đó:</i> - Số bị can phạm tội tham nhũng	302	
- Số bị can Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhưng sau đó đình chỉ điều tra	303	
- Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (Đ16 BLHS)	304	
- Do bị hại rút yêu cầu khởi tố hoặc người đại diện của bị hại rút đơn yêu cầu (theo K2 Đ155 BLTTHS)	305	
- Số bị can đình chỉ do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm (theo K1,2 Đ157 BLTTHS)	306	
<i>Tr. đó:</i> Số bị can phạm tội tham nhũng	307	
- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu TNHS (theo K3 Đ157 BLTTHS)	308	
- Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật (theo K4 Đ157 BLTTHS)	309	
- Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (theo K5 Đ157 BLTTHS)	310	
- Tội phạm đã được đại xá (theo K6 Đ157 BLTTHS)	311	
- Số bị can đình chỉ do bị can chết (theo K7 Đ157 BLTTHS)	312	
- Bị can bị mắc bệnh tâm thần	313	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
- Số bị can đình chỉ theo K2 Đ91BLHS	314	
<i>Tr.đó:</i> Số bị can phạm tội tham nhũng	315	
- Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo K1 Đ29 BLHS	316	
<i>Tr.đó:</i> Số bị can phạm tội tham nhũng	317	
- Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo K2Đ29BLHS	318	
<i>Tr.đó:</i> Số bị can phạm tội tham nhũng	319	
- Số bị can đình chỉ do được miễn TNHS theo K3Đ29 BLHS	320	
- Số bị can đình chỉ do trước đó đã ra quyết định tạm đình chỉ, nay xác định bị can đã chết hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS	321	
Số vụ án VKS tạm đình chỉ trong kỳ thống kê	322	
<i>Trong đó:</i> Số vụ án tham nhũng	323	
Số bị can VKS tạm đình chỉ trong kỳ thống kê	324	
<i>Trong đó:</i> Số bị can phạm tội tham nhũng	325	
Tổng số vụ án VKS tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê	326	
Tổng số bị can VKS tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê	327	
Số vụ án còn lại cuối kỳ chưa giải quyết	328	
<i>Trong đó:</i> Số chưa giải quyết đã quá thời hạn luật định	329	
Số bị can còn lại cuối kỳ chưa giải quyết	330	
Số vụ án VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung (không tính những vụ do Toà án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung)	331	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	332	
- Còn thiếu chứng cứ	333	
- Có căn cứ khởi tố bị can về một hay nhiều tội phạm khác	334	
- Có đồng phạm hoặc người phạm tội khác nhưng chưa được khởi tố	335	
- Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng	336	
- Do phát sinh tình tiết mới hoặc lý do khác	337	
- Số vụ án VKS phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung 2 lần	338	
- Số vụ án VKS phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung trên 2 lần	339	
Số vụ án VKS trả hồ sơ cho CQĐT được CQĐT chấp nhận điều tra bổ sung	340	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án chấp nhận, sau đó CQĐT thay đổi quan điểm đề nghị truy tố	341	
- Số vụ án chấp nhận, sau đó có văn bản trả lời giữ nguyên quan điểm đề nghị truy tố	342	
Số vụ án VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung không được CQĐT chấp nhận và có văn bản trả lời giữ nguyên quan điểm đề nghị truy tố (không tính những vụ do Toà án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung)	343	
Số bị can VKS trả hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra bổ sung	344	
<i>Trong đó:</i> Số bị can phạm tội tham nhũng	345	
Số vụ án VKS huỷ bỏ quyết định đình chỉ vụ án	346	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
<i>Trong đó:</i> Số bị VKS cấp trên hủy bỏ do QĐ đình chỉ của VKS cấp dưới không có căn cứ hoặc trái pháp luật và yêu cầu ra QĐ truy tố	347	
Số bị can VKS hủy bỏ quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can	348	
<i>Trong đó:</i> Số bị VKS cấp trên hủy bỏ do QĐ đình chỉ của VKS cấp dưới không có căn cứ hoặc trái pháp luật và yêu cầu ra QĐ truy tố	349	
Số vụ án VKS hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ vụ án	350	
Số bị can VKS hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can	351	
Số bị can được VKS ra QĐ áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh	352	
Số lần VKS cấp trên hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn	353	
Số lần VKS cấp trên hủy bỏ lệnh kê biên tài sản	354	
Số lần VKS cấp trên hủy bỏ biện pháp đặt tiền để bảo đảm	355	
Số bị can VKS cấp trên hủy bỏ quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can	356	
Số vụ án VKS yêu cầu định giá tài sản	357	
Số vụ án VKS quyết định trưng cầu giám định	358	
Số bản kiến nghị của VKS yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động điều tra	359	
Số bản kiến nghị được chấp nhận	360	
Số bản kiến nghị không được chấp nhận	361	
Số bản VKS yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật	362	
Số bản yêu cầu, kiến nghị được chấp nhận	363	
Số bản yêu cầu, kiến nghị không được chấp nhận	364	
Số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật	365	

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....ngày...tháng.....năm 20.....

VIỆN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)